TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 9 – 2017
V/v "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sỹ Hùng
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Huỳnh Văn Đoan, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 441/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 655/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Kim T, sinh năm: 1988, (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Huỳnh Thúc Kháng, khóm 7, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lưu Nguyên H, sinh năm: 1975, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27, Nguyễn Đình Thi, khóm 8, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Hồ Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Nguyên H chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, anh H nhiều lần đánh đập chị nên chị và anh H đã tự ly thân từ tháng 5/2017 đến nay.

Từ nội dung trên, chị T nhận thấy tình cảm của chị và anh H không còn, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh H có một người con chung tên Lưu Minh Q, sinh ngày 26/6/2012, hiện cháu Q đang sống với anh H. Khi giải quyết mối quan hệ hôn nhân của chị và anh H, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị T xác định, sau khi cưới chị, anh H có mua một căn nhà tại số 27, Nguyễn Đình Thi, khóm 8, phường X, thành phố C. Năm 2015, chị đã bỏ ra số tiền 200.000.000đ để sửa chữa căn nhà, các hóa đơn, chứng từ sửa nhà chị không còn giữ. Ngoài ra, chị còn mua một Tivi hiệu Panasonic 32 inch có giá trị 7.000.000đ, một máy tính bảng hiệu Samsung có giá trị 8.000.000đ, các hóa đơn, chứng từ chị không còn giữ. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh H trả lại cho chị số tiền 200.000.000đ mà chị đã đóng góp vào để sữa chữa căn nhà; giao anh H toàn quyền sử dụng căn nhà, đồng thời chị yêu cầu anh H trả lại Tivi và máy tính bảng nêu trên cho chị.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Tại đơn yêu cầu ngày 01/9/2017, chị T trình bày: Trong phiên họp hòa giải ngày 26/6/2017 và các lời khai trước đây, chị có yêu cầu anh H hoàn trả số tiền 200.000.000đ chị đã bỏ ra sửa chữa căn nhà, nay chị không còn yêu cầu số tiền này mà chỉ yêu cầu anh H trả lại cho chị máy tính bảng hiệu Samsung có giá trị 7.800.000đ, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Đối với con chung, chị vẫn yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ cho đến khi con chị trưởng thành. Nếu anh H có yêu cầu nuôi con thì chị đồng ý giao con cho anh H nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa này, chị T thống nhất giao con chung cho anh H nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Lưu Nguyên H trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị T không quan tâm, lo lắng cho gia đình nên vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Do đó, việc chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H xác định giữa anh và chị T có một người con chung tên Lưu Minh Q, sinh ngày 26/6/2012, hiện cháu Q đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác định không có, căn nhà chị T trình bày là của anh ruột của anh tên Lưu Thiếu L đứng tên, trước đây căn nhà này là căn nhà trọ củ do anh em của anh mua lại của người khác, sau đó anh cùng anh em của anh ra công xây dựng, sửa chữa lại thành căn nhà cấp 4, vật liệu thì do đồng nghiệp cơ quan mua cho và cho vợ chồng anh ở từ năm 2015 đến nay. Chị T có bỏ tiền để mua một số vật dụng gia đình nhưng chị T đã lấy đi hết, không có bỏ công sức gì vào việc xây dựng căn nhà. Máy tính bảng vợ chồng anh mua cho con sử dụng, mỗi người bỏ tiền ra một nữa, máy tính hiện đã mất không còn, riêng Tivi hiệu Panasonic anh đồng ý giao lại cho chị T.

Về nợ chung: Anh H khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử của anh Lưu Nguyên H, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo luật định là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Hồ Kim T và anh Lưu Nguyên H có quen biết nhau và nảy sinh tình cảm, sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến tháng 5/2017, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống vài năm gần đây, anh, chị luôn nghi kỵ, không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị bỏ nhà đi từ tháng 5/2017 và hiện vợ chồng cũng đã ly thân. Theo quy định tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong bản tự khai và biên bản hòa giải chị T xác định giữa chị và anh H có một người con chung tên Lưu Minh Q, sinh ngày 26/6/2012, hiện cháu Q đang sống với anh H. Khi giải quyết mối quan hệ hôn nhân của chị và anh H, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại đơn yêu cầu ngày 01/9/2017, chị T trình bày: Đối với con chung, chị vẫn yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ cho đến khi con chị trưởng thành. Nếu anh H có yêu cầu nuôi con thì chị đồng ý giao con cho anh H nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa này, chị T thống nhất giao con chung cho anh H nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Hiện cháu Lưu Minh Q đang sống với anh Lưu Nguyên H. Tại đơn yêu cầu ngày 01/9/2017 và tại phiên tòa này,

chị T thống nhất giao con chung là cháu Q cho anh H nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc tự nguyện của chị T giao con cho anh H nuôi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị T không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị T chỉ yêu cầu anh H trả lại cho chị máy tính bảng hiệu Samsung có giá trị 7.800.000đ, không đặt ra yêu cầu đối với các tài sản khác. Anh H đồng ý hoàn trả lại máy tính bảng hiệu Samsung có giá trị 7.800.000đ cho chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, máy tính bảng chị T mua để sử dụng cho mục đích cá nhân nhưng hiện nay anh H xác định không còn và anh đồng ý hoàn trả lại cho chị T. Do đó buộc anh H có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị máy tính bảng cho chị T với số tiền 7.800.000đ và phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Hồ Kim T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Lưu Nguyên H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá trị máy tính bảng cho chị T theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Kim T và anh Lưu Nguyên H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Quốc hội.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Kim T và anh Lưu Nguyên H.

2 - Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hồ Kim T là giao cháu Lưu Minh Q, sinh ngày 26/6/2012 cho anh Lưu Nguyên H tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản: Buộc anh Lưu Nguyên H có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị máy tính bảng hiệu Samsung cho chị T bằng số tiền 7.800.000đ.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Hồ Kim T phải chịu 300.000đ. Ngày 09 tháng 6 năm 2017, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 3241 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước 300.000đ. Chị T được hoàn lại số tiền 5.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Lưu Nguyên H phải chịu 390.000đ (*chưa nộp*).

5 - Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Kim T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Nguyên H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hứa Minh Hải